TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2018/LĐ-ST
Ngày 28-11-2018
V/v tranh chấp bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hưng
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Phượng.
2. Ông Nguyễn Thế Phương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2018/TLST-LĐ ngày 06/9/2018 về việc "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-LĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-LĐ ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Đoàn Thị G, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ A, khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

1.2 Ông Phạm Tiến L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ A, khu V, thị trấn L, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

1.3 Bà Võ Thị N, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

1.4 Ông Phạm Vĩnh L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

1.5 Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

1.6 Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

1.7 Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường H, thị xã P, tỉnh B (Vắng mặt).

1.8 Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

1.9 Ông Phan Tấn N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt).

1.10 Bà Huỳnh Thị Như Y, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn nêu trên: Bà Lê Xuân T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Đường N, Phường A, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà T là người đại diện theo ủy quyền (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH M.

Địa chỉ: Khu công nghiệp P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông D, chức vụ: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ: Trung tâm hành chính thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Viết D, chức vụ: Quyền giám đốc, là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn trình bày:

Bà Đoàn Thị G bắt đầu làm việc tại Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là "Công ty M") từ ngày 19/01/2015, có ký kết hợp đồng lao động số 1153.4 ngày 19/4/2018, loại hợp đồng không xác định thời hạn, vị trí công việc là nhân viên quản lý hồ sơ, mức lương theo hợp đồng là 7.800.000đ/tháng (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng).

Ông Phạm Tiến L bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 20/01/2016, có ký kết hợp đồng lao động số 1546.3 vào ngày 20/4/2017, loại hợp đồng xác định thời hạn 02 năm (từ ngày 20/4/2017 đến 19/4/2019), vị trí công việc là quản lý dự án, mức lương theo hợp đồng là 22.750.000đ/tháng (Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Võ Thị N bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 07/12/2015, có ký kết hợp đồng lao động số 1457.3 vào ngày 07/3/2017, loại hợp đồng xác định thời hạn 02 năm (từ ngày 07/3/2017 đến 06/3/2019), vị trí công việc là nhân viên tạp vụ, mức lương theo hợp đồng là 4.000.000đ/tháng (Bốn triệu đồng).

Ông Phạm Vĩnh L bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 04/11/2015, có ký kết hợp đồng lao động số 1371.3 vào ngày 04/02/2017, loại hợp đồng xác

định thời hạn 02 năm (từ ngày 04/02/2017 đến 03/02/2019), vị trí công việc là quản lý vật tư, mức lương theo hợp đồng là 8.645.000đ/tháng (Tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Bà Phạm Thị Thu H bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 07/3/2016, có ký kết hợp đồng lao động số 1581.3 vào ngày 07/6/2017, loại hợp đồng xác định thời hạn 02 năm (từ ngày 07/6/2017 đến 06/6/2019), vị trí công việc là nhân viên tạp vụ, mức lương theo hợp đồng là 4.000.000đ/tháng (Bốn triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Bích N bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 05/01/2015, có ký kết hợp đồng lao động số 1143.4 vào ngày 05/4/2018, loại hợp đồng không xác định thời hạn, vị trí công việc là nhân viên thu mua, mức lương theo hợp đồng là 6.500.000đ/tháng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Thành T bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 03/11/2015, có ký kết hợp đồng lao động số 1115.4 vào ngày 03/02/2018, loại hợp đồng không xác định thời hạn, vị trí công việc là nhân viên kiểm tra chất lượng, mức lương theo hợp đồng là 9.724.000đ/tháng (Chín triệu bảy trăm hai mươi tư ngàn đồng).

Bà Trần Thị Kim T bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 23/01/2017, có ký kết hợp đồng lao động số 1754.3 vào ngày 23/3/2018, loại hợp đồng xác định thời hạn 02 năm (từ ngày 23/3/2018 đến 22/3/2020), vị trí công việc là kế toán tổng hợp, mức lương theo hợp đồng là 10.822.500đ/tháng (Mười triệu tám trăm hai mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Ông Phan Tấn N bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 01/02/2016, có ký kết hợp đồng lao động số 1548.3 vào ngày 01/5/2017, loại hợp đồng xác định thời hạn 02 năm (từ ngày 01/5/2017 đến 30/4/2019), vị trí công việc là quản lý dự án, mức lương theo hợp đồng là 26.000.000đ/tháng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Bà Huỳnh Thị Như Y bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 23/5/2016, có ký kết hợp đồng lao động số 1671.3 vào ngày 23/8/2017, loại hợp đồng xác định thời hạn 02 năm (từ ngày 23/8/2017 đến 22/8/2019), vị trí công việc là kế toán tổng hợp, mức lương theo hợp đồng là 4.550.000đ/tháng (Bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Hàng tháng Công ty M đều trích từ tiền lương của các ông/bà nêu trên để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Đến tháng 5/2018, Công ty ngừng hoạt động, người lao động bị mất việc làm trong khi Công ty không ban hành quyết định hay thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động đồng thời không chốt trả sổ cho người lao động. Khi các nguyên đơn liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì được biết Công ty M đang nợ quỹ Bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2017 đến hết tháng 5/2018. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty M phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội còn nợ (gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp) từ tháng 11/2017 đến hết tháng 5/2018.

Đối với bị đơn là Công ty TNHH M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội huyện T: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH M và Bảo hiểm xã hội huyện T vắng mặt, không gửi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc bị đơn phải đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu của người lao động. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của các nguyên đơn gồm các ông/bà Đoàn Thị G, Phạm Tiến L, Võ Thị N, Phạm Vĩnh L, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thành T, Trần Thị Kim T, Phan Tấn N và Huỳnh Thị Như Y thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp bảo hiểm xã hội"; do Công ty M có trụ sở tại thị xã Phú Mỹ và nay có tranh chấp nên xác định đây là vụ án lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn - Công ty M không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội huyện T không có yêu cầu độc lập, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét hợp đồng lao động đã ký kết giữa các đồng nguyên đơn và Công ty M thấy:

Về hình thức, thẩm quyền và nội dung giao kết hợp đồng: Các nguyên đơn giao kết hợp đồng lao động với Công ty M thông qua người đại diện là ông D, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 24 Bộ luật lao động.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của người lao động cùng các chứng cứ kèm theo, đối chiếu với thông tin do Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cung cấp tại Công văn số 714/BHXH-KTTN ngày 21/6/2018 đã xác định được: Người lao động làm việc tại Công ty M đều có ký kết hợp đồng lao động theo quy định, được Công ty M lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ, đóng và hưởng bảo hiểm xã hội. Theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng lao động thì hai bên thống nhất tỷ lệ đóng của Công ty và người lao động thực hiện theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và Luật lao động hiện hành. Thực hiện hợp đồng lao động đã ký kết, hàng tháng Công ty đều trích lại tiền lương của người lao động nhưng không đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội là vi phạm thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng về phần bảo hiểm xã hội và vi phạm Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.

Theo trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thì các ông/bà Đoàn Thị G, Phạm Tiến L, Võ Thị N, Phạm Vĩnh L, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thành T, Trần Thị Kim T, Phan Tấn N và Huỳnh Thị Như Y đã làm việc tại Công ty M đến cuối tháng 5/2018 thì bị mất việc làm do Công ty ngừng hoạt động mà không thông báo cho người lao động.

Đối chiếu với tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có cơ sở xác định: Các ông/bà Đoàn Thị G, Phạm Tiến L, Võ Thị N, Phạm Vĩnh L, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thành T, Trần Thị Kim T, Phan Tấn N và Huỳnh Thị Như Y làm việc cho Công ty M đến cuối tháng 5/2018 và đã được trả lương tháng 5/2018.

Theo tài liệu do Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cung cấp thì Công ty M đã đóng các khoản bảo hiểm xã hội của người lao động hết tháng 10/2017 và còn nợ từ tháng 11/2017 đến hết tháng 5/2018, cụ thể như sau:

Đối với bà Đoàn Thị G (STT 77): Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 14.671.227 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 692.712 đồng, tổng cộng là 15.363.939 đồng.

Đối với ông Phạm Tiến L (STT 36): Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 42.791.078 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 2.020.410 đồng, tổng cộng là 44.811.488 đồng.

Đối với bà Võ Thị N (STT 61): Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là là 7.797.723 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 368.689 đồng, tổng cộng là 8.166.412 đồng.

Đối với ông Phạm Vĩnh L (STT 139): Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 15.835.755 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 748.531 đồng, tổng cộng là 16.584.286 đồng.

Đối với bà Phạm Thị Thu H (STT 141): Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 7.797.723 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 368.689 đồng, tổng cộng là 8.166.412 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị Bích N (STT 176): Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 12.226.022 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 577.260 đồng, tổng cộng là 12.803.282 đồng.

Đối với ông Nguyễn Thành T (STT 68): Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 17.734.915 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 838.305 đồng, tổng cộng là 18.573.220 đồng.

Đối với bà Trần Thị Kim T (STT 140): Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 18.339.033 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 865.890 đồng, tổng cộng là 19.204.923 đồng.

Đối với ông Phan Tấn N (STT 295): Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 48.904.089 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 2.309.040 đồng, tổng cộng là 51.213.129 đồng.

Đối với bà Huỳnh Thị Như Y (STT 107): Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 8.056.197 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 377.023 đồng, tổng cộng là 8.433.220 đồng.

Theo tài liệu xác minh tại Đồn công an Khu công nghiệp Tân Thành và thông tin do Ban quản lý các khu công nghiệp cung cấp, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định Công ty M đã chính thức ngừng hoạt động từ ngày 24/5/2018. Việc ngừng hoạt động không được Công ty thông báo đến người lao động.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập, yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để Công ty M có mặt và cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của người lao động nhưng Công ty đều vắng mặt. Do đó, Công ty phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

Đối với cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện T: Quá trình giải quyết vụ án, Bảo hiểm xã hội huyện T không có yêu cầu độc lập, không gửi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu do Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cung cấp và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc Công ty M Việt Nam phải đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu cho các ông/bà Đoàn Thị G, Phạm Tiến L, Võ Thị N, Phạm Vĩnh L, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thành T, Trần Thị Kim T, Phan Tấn N và Huỳnh Thị Như Y từ tháng 11/2017 đến hết tháng 5/2018.

[3] Về án phí: Công ty M phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 186 Bộ Luật lao động năm 2012; Điều 18, Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông/bà Đoàn Thị G, Phạm Tiến L, Võ Thị N, Phạm Vĩnh L, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thành T, Trần Thị Kim T, Phan Tấn N và Huỳnh Thị Như Y về việc "Tranh chấp bảo hiểm xã hội" đối với Công ty TNHH M.

2. Buộc Công ty TNHH M phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội (gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) vào quỹ Bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cho các ông/bà Đoàn Thị G, Phạm Tiến L, Võ Thị N, Phạm Vĩnh L, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thành T, Trần Thị Kim T, Phan Tấn N và Huỳnh Thị Như Y từ tháng 11/2017 đến hết tháng 5/2018.

3. Mức đóng và số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà Công ty TNHH M phải đóng vào Quỹ bảo hiểm được áp dụng và tính theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Xuân Hưng